| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN NAM TỪ LIÊM**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>Số: 25A/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 18/01/2023<br>*V/v: Xin ly hôn*<br>. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Phan Thị Kim Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan M Tuấn; Ông Trần Quốc Sơn

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thùy Dung – CBTA;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022, về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1979.**

Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, khu phố Z, phường P, quận T, thành phố C.

**Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1969.**

Địa chỉ: Nhà số X1, Tổ dân phố số Y2, phường V, quận L, thành phố N.

*(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh M vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử, Nguyên đơn là chị Tạ Thị T trình bày:***

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn ngày 19/9/1998 tại UBND xã V, huyện L, thành phố N (nay là phường V, quận L, thành phố N) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, việc xảy ra cãi nhau thường xuyên và cả anh và chị không còn tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng

chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/9/1998 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/01/2004 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn là anh Nguyễn Văn M:*** đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên anh M không có lời khai tại Tòa án.

**Tại phiên tòa**:

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm của mình tại bản tự khai ngày 22/12/2022 cụ thể:

- Về tình cảm: Chị Xin ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/9/1998 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/01/2004 (đã trưởng thành).

- Về tài sản công sức, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh M đã được Tòa án triệu hợp lệ nhưng anh M vẫn vắng mặt do vậy không có lời trình bày tại tòa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa; Về phía các đương sự: chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/9/1998 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/01/2004 (đã trưởng thành) nên không đề cập.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn M có HKTT và nơi ở tại : Nhà số X1, Tổ dân phố số Y1, phường V, quận L, thành phố N và giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M không đến Tòa, không khai, không ký bất cứ văn bản nào, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh M vắng mặt nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/1998 tại UBND xã V, huyện L, thành phố N (nay là Phường V, quận L, thành phố N), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên chị T đã làm đơn xin ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 07 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã xác M với Tổ trưởng TDP số Y1, phường V, quận L, thành phố N và được cung cấp như sau: chị T không sinh sống tại địa chỉ Nhà số X1, Tổ dân phố số Y1, phường V, quận L, thành phố N do vậy về mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì không nắm được, mặt khác Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhằm mục đích để vợ chồng về đoàn tụ tuy nhiên anh M đã từ chối không đến tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình chứng tỏ anh M không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng, do vậy yêu cầu của chị T xin ly hôn anh M có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/9/1998 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/01/2004 (đã trưởng thành) nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản, công sức, công nợ chung:* Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; Điều 227; khoản 4, Điều 147, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị T đối với anh Nguyễn Văn M. Chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

**2. Về con chung**: Anh chị có 02 con chung là cháu: Nguyễn Minh Q, sinh ngày 04/9/1998 (đã trưởng thành), cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/01/2004 (đã trưởng thành) nên HĐXX không xem xét.

**3**. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không đề cập.

**4.** Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0034751 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

**5.** Quyền kháng cáo: Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

***Nơi nhận :***
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm,
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND P.V, Q.L, TP.N (Số 32/1998);
- Lưu HS, VP.

**Phan Thị Kim Thanh**